

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KỲ THI NGÀY 09/03/2025

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú	
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng		
1	T3001	Nguyễn Mai Ngọc	Ái	10/10/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	5,0	Đạt		
2	T3002	Phạm Ngọc	An	08/02/1973	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,6	5,5	Đạt		
3	T3003	Võ Văn	An	23/01/1969	Quảng Ngãi	Nam	Kinh				Hổng	Vắng
4	T3004	Nguyễn Thị Hữu	Anh	13/09/2006	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt		
5	T3005	Nguyễn Trần Phương	Anh	18/07/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt		
6	T3006	Hồ Thị Nhật	Ánh	29/02/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Co	7,2	6,0	Đạt		
7	T3007	Võ Thị Ngọc	Ánh	12/12/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt		
8	T3008	Đinh Văn	Bảo	08/01/2005	Quảng Ngãi	Nam	K'dong				Hổng	Vắng
9	T3009	Hồ Ngọc Tiểu	Băng	02/03/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Co	9,0	7,5	Đạt		
10	T3010	Đinh Sang	Bằng	10/10/1975	Hải Dương	Nam	H're	8,6	6,0	Đạt		
11	T3011	Phạm An	Bình	27/02/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,2	9,5	Đạt		
12	T3012	Võ Thị	Của	28/09/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	6,0	Đạt		
13	T3013	Châu Thị	Chi	11/06/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Co	8,6	5,0	Đạt		
14	T3014	Phạm Thị	Dàn	03/02/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,4	7,0	Đạt		
15	T3015	Lê Trần Tú	Dân	06/01/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	6,4	6,0	Đạt		
16	T3016	Đinh Thị	Diệu	29/03/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	6,2	6,0	Đạt		
17	T3017	Võ Thị Kim	Diệu	26/02/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	5,5	Đạt		
18	T3018	Bùi Tấn Nhất	Duy	18/11/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,4	5,5	Đạt		
19	T3019	Đinh Thị	Duyên	27/09/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	9,2	5,5	Đạt		
20	T3020	Đỗ Thị Trang	Duyên	01/02/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	8,0	Đạt		
21	T3021	Nguyễn Hồng	Duyên	27/05/2005	Nam Định	Nữ	Kinh	8,6	8,5	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
22	T3022	Phạm Thị Như	Duyên	06/03/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	8,0	Đạt	
23	T3023	Phạm Mỹ	Đình	13/02/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,6	6,0	Đạt	
24	T3024	Võ Thị Mỹ	Đông	27/06/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	6,0	Đạt	
25	T3025	Hồ Văn	Đường	20/08/1999	Quảng Ngãi	Nam	Co				Hổng
26	T3026	Hồ Nguyễn Trà	Giang	19/12/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,6	6,0		Hổng
27	T3027	Tạ Thị Di	Hà	06/12/1982	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6,8	7,5	Đạt	
28	T3028	Tạ Thị Thu	Hà	10/07/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	5,5	Đạt	
29	T3029	Võ Thị	Hà	20/04/1996	Nghệ An	Nữ	Kinh	8,8	10,0	Đạt	
30	T3030	Võ Thị Thu	Hà	09/10/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
31	T3031	Phạm Huy	Hào	28/10/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,4	3,0		Hổng
32	T3032	Bùi Thị Diệu	Hằng	24/01/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	6,0	Đạt	
33	T3033	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	6,5	Đạt	
34	T3034	Phan Nguyệt	Hằng	14/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,8	9,0	Đạt	
35	T3035	Nguyễn Phước	Hậu	18/10/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,2	6,0	Đạt	
36	T3036	Nguyễn Võ Minh	Hiền	02/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
37	T3037	Trần Thị Thúy	Hiền	21/05/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10,0	10,0	Đạt	
38	T3038	Lê Thị Xuân	Hoa	03/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	10,0	Đạt	
39	T3039	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	13/06/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	10,0	Đạt	
40	T3040	Nguyễn Văn	Học	03/10/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,8	6,0	Đạt	
41	T3041	Dương Thị	Hồng	20/08/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	5,5	Đạt	
42	T3042	Nguyễn Thị Thu	Hồng	30/03/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	5,5	Đạt	
43	T3043	Võ Hoàng	Huy	08/03/1995	Đăk lăk	Nam	Kinh	8,0	6,0	Đạt	
44	T3044	Hồ Thị Thu	Huyền	10/10/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Co	7,0	5,0	Đạt	
45	T3045	Trần Thị Ngọc	Huyền	13/02/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	6,5	Đạt	
46	T3046	Phạm Thị	Hường	24/08/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,8	6,5	Đạt	
47	T3047	Trần Mai Thị	Kiều	29/09/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh				Hổng

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hỏng	
48	T3048	Nguyễn Thị Kim	01/01/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	6,0	Đạt		
49	T3049	Huỳnh Thị Mỹ	20/03/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	4,5		Hỏng	
50	T3050	Phạm Thị Kiều	25/02/1975	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt		
51	T3051	Phạm Thị Lan	15/05/2004	Quảng Ngãi	Nữ	H're	3,0	6,0		Hỏng	
52	T3052	Đinh Thị Hoài	09/05/2004	Quảng Ngãi	Nữ	K'dong	7,4	6,0	Đạt		
53	T3053	Đoàn Quốc Diễm	05/06/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	6,0	Đạt		
54	T3054	Võ Đoàn Thị Lệ	14/03/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	6,5	Đạt		
55	T3055	Võ Thị Hòa	22/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	4,0		Hỏng	
56	T3056	Phùng Tô	19/02/1971	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,6	9,5	Đạt		
57	T3057	Võ Thị Xuân	17/12/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	7,0	Đạt		
58	T3058	Phạm Thị Cẩm Ly	28/01/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt		
59	T3059	Huỳnh Thị Mai	23/01/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	6,0	Đạt		
60	T3060	Phạm Thị Mai	27/01/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	9,4	6,0	Đạt		
61	T3061	Phạm Thị Mai	29/09/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,2	0,0		Hỏng	
62	T3062	Hồ Thị Trà	01/05/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,8	8,0	Đạt		
63	T3063	Trương Thị Diễm	27/04/2006	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	9,0	Đạt		
64	T3064	Vương Thị Giang	03/01/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	5,0	Đạt		
65	T3065	Tổng Phước	11/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	5,0	Đạt		
66	T3066	Phan Thị Thùy	18/09/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	6,5	Đạt		
67	T3067	Đỗ Thị Ly	09/02/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	5,0	Đạt		
68	T3068	Nguyễn Thị My	11/04/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	6,0	Đạt		
69	T3069	Hồ Thị Nga	22/10/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Co	6,4	6,0	Đạt		
70	T3070	Hoàng Thị Ngân	17/05/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,6	6,5	Đạt		
71	T3071	Nguyễn Thị Thúy	02/02/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt		
72	T3072	Nguyễn Đình	08/05/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,2	7,0	Đạt		
73	T3073	Đổng Sĩ Nguyên	17/03/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,8	6,0	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
74	T3074	Huỳnh Thị Thanh	Nhàng	29/11/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
75	T3075	Võ Văn	Nhân	20/08/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,6	5,0	Đạt	
76	T3076	Nguyễn Đình	Nhật	24/05/1983	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,2	6,0	Đạt	
77	T3077	Đinh Thị	Nhít	16/09/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	4,4	4,0		Hổng
78	T3078	Nguyễn Thị Hoài	Nhon	08/03/1977	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	5,0	Đạt	
79	T3079	Nguyễn Thị Diễm	Nhung	26/09/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	7,0	Đạt	
80	T3080	Phạm Thị Tuyết	Nhung	05/01/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,8	5,5	Đạt	
81	T3081	Bùi Thị Quỳnh	Như	06/07/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	6,0	Đạt	
82	T3082	Đặng Thị Quỳnh	Như	26/09/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
83	T3083	Hồ Thị Kiều	Oanh	12/03/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt	
84	T3084	Ngô Hoàng	Oanh	18/12/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7,2	3,0		Hổng
85	T3085	Trương Ngọc Đường	Oanh	03/07/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	6,0	Đạt	
86	T3086	Cao Đặng Thị	Phi	09/07/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,8	8,0	Đạt	
87	T3087	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	03/07/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	6,0	Đạt	
88	T3088	Đào Thị Y	Phương	16/05/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,6	6,5	Đạt	
89	T3089	Thân Thị Hồng	Phượng	12/03/1984	Quảng Bình	Nữ	Kinh	9,2	5,5	Đạt	
90	T3090	Nguyễn Đức	Quang	20/06/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,8	8,5	Đạt	
91	T3091	Trần Quốc	Quang	25/01/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,2	5,0	Đạt	
92	T3092	Nguyễn Hạ	Quyên	19/11/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	9,0	Đạt	
93	T3093	Võ Thị Anh	Quyên	04/04/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,2	6,0	Đạt	
94	T3094	Hồ Thị Cẩm	Quỳnh	21/06/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	8,4	6,0	Đạt	
95	T3095	Phạm Thị	Quỳnh	10/03/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	6,4	5,0	Đạt	
96	T3096	Trịnh Ngọc Diễm	Quỳnh	26/09/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,6	3,0		Hổng
97	T3097	Võ Thị Như	Quỳnh	01/01/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	6,0	Đạt	
98	T3098	Phạm Thị	Răn	26/12/1994	Quảng Ngãi	Nữ	H're	5,0	5,0	Đạt	
99	T3099	Đinh Thị	Siêng	10/02/1989	Quảng Ngãi	Nữ	K'dong	9,0	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hỏng	
100	T3100	Lê	Son	06/12/1972	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,6	7,0	Đạt	
101	T3101	Đinh Thị	Sua	06/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,4	5,5	Đạt	
102	T3102	Đỗ Thị	Sương	04/10/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8,2	6,5	Đạt	
103	T3103	Đinh Thị	Tam	04/09/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,2	5,0	Đạt	
104	T3104	Lê Thị	Tâm	14/05/1975	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	8,0	Đạt	
105	T3105	Trần Thị Minh	Tâm	15/02/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	6,0	Đạt	
106	T3106	Nguyễn Đỗ Thủy	Tiên	17/03/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt	
107	T3107	Huỳnh Xuân	Tiến	01/03/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
108	T3108	Võ Văn	Tín	03/03/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,6	6,0	Đạt	
109	T3109	Nguyễn Thị	Tình	10/02/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	6,0	Đạt	
110	T3110	Chê Thị Ánh	Tuyết	16/06/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	7,5	Đạt	
111	T3111	Huỳnh Thị Bạch	Tuyết	02/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10,0	7,5	Đạt	
112	T3112	Nguyễn Thị	Tư	08/11/1977	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	7,5	Đạt	
113	T3113	Đoàn Duy	Từ	24/07/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,6	5,5	Đạt	
114	T3114	Trần Thị Ái	Ty	17/07/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	6,0	Đạt	
115	T3115	Hoàng Thanh	Thảo	11/10/2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7,6	3,0		Hỏng
116	T3116	Lê Thị Phương	Thảo	27/09/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	5,5	Đạt	
117	T3117	Nguyễn Phương	Thảo	04/04/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,8	8,0	Đạt	
118	T3118	Đào Thị	Thạo	09/02/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	8,0	Đạt	
119	T3119	Hồ Thị Thu	Thiên	29/01/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Co	5,4	6,0	Đạt	
120	T3120	Nguyễn Thị Minh	Thoa	07/05/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	6,0	Đạt	
121	T3121	Mai Thị Thu	Thủy	10/12/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,8	6,0	Đạt	
122	T3122	Nguyễn Thị Thu	Thủy	29/09/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	7,0	Đạt	
123	T3123	Phạm Thị	Thủy	27/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,8	5,0	Đạt	
124	T3124	Đặng Thị Thanh	Thúy	04/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	5,0	Đạt	
125	T3125	Nguyễn Thị Lê	Thương	03/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	0,0		Hỏng

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú	
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hỏng		
126	T3126	Huỳnh Thị Thu	Trang	12/06/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	5,0	Đạt		
127	T3127	Huỳnh Nguyễn Thùy	Trâm	12/07/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	7,5	Đạt		
128	T3128	Nguyễn Thị Minh	Trâm	01/05/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	5,5	Đạt		
129	T3129	Quảng Thị Ngọc	Trâm	01/11/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	0,0		Hỏng	
130	T3130	Phan Thị Thu	Trinh	19/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	7,0	Đạt		
131	T3131	Nguyễn Thu	Trúc	08/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	5,0	Đạt		
132	T3132	Đinh Thị Mỹ	Uyên	05/08/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	9,6	5,0	Đạt		
133	T3133	Phạm Thị Xuân	Uyên	02/07/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	9,6	6,0	Đạt		
134	T3134	Đinh Thị Hồng	Viên	17/01/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,6	6,0	Đạt		
135	T3135	Mai Thị Bích	Viễn	10/03/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	7,5	Đạt		
136	T3136	Phạm Thị	Vy	06/04/2005	Quảng Ngãi	Nữ	H're	9,4	6,5	Đạt		
137	T3137	Đinh Thị	Xay	14/07/1997	Quảng Ngãi	Nữ	K'dong	6,4	0,0		Hỏng	
138	T3138	Phạm Thị Kiêm	Yến	28/04/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	5,0	Đạt		
139	T3139	Nguyễn Xuân	Thịnh	02/09/1980	Bình Định	Nam	Kinh	6,8	6,0	Đạt		Thi lại TH
140	T3140	Huỳnh Văn	Hoàng	14/05/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,8	5,0	Đạt		Thi lại LT
141	T3141	Đặng Thị Diễm	Phương	08/03/1981	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	5,0	Đạt		Thi lại LT
142	T3142	Bach Hồng	Thiện	08/11/1974	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	5,0	Đạt		Thi lại LT

Danh sách này có: 142 thí sinh, trong đó số dự thi: 138 thí sinh, số vắng thi: 04 thí sinh.